

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-7-2020

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Chí Cường;

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15-5-2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24-6-2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-5-2020, bản tự khai nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày:

Vào ngày 22/3/2007, chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Hoàng Đ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T. Trong thời gian sống chung anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cát T, sinh ngày 05/7/2007 và Nguyễn Hoàng Đ1, sinh ngày 26/5/2015 đang sống chung với anh Đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân xin ly hôn: Anh Đ không lo làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình, chị đi làm công ty thì anh Đ không cho nghỉ ngơi ghen tuông vô cớ, chửi bới nói nặng nhẹ chị đủ điều, giường vợ chồng ngủ anh Đ đem máy cưa ra cưa bỏ, nên chị và anh Đ sống ly thân 03 tháng nay, thời gian ly thân chị đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh không có về nhà thăm chồng và con, nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị quyết định xin ly hôn.

Nay Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Đ.

Về con chung: Nguyễn Thị Cát T, sinh ngày 05/7/2007 chị đồng ý giao cho anh Đ nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Đ1, sinh ngày 26/5/2015, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay chị có công việc ổn định, đủ khả năng để lo cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết bị đơn anh Nguyễn Hoàng Đ trình bày:

Anh và chị Võ Thị N xác lập quan hệ hôn nhân vào ngày 22/3/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T. Trong thời gian sống chung anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cát T, sinh ngày 05/7/2007 và Nguyễn Hoàng Đ1, sinh ngày 26/5/2015 đang sống chung với anh.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng: Hằng ngày chị N đi làm công ty mà còn đòi làm tăng ca tới 8 đến 9 giờ tối mới về tới nhà, anh thấy chị N cực khổ nên kêu ở nhà chăm sóc hai con, nhưng chị N không nghe mà còn lén anh đi làm, chính vì lý do đó mà vợ chồng mới xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị N gọi điện thoại về bên gia đình vợ nói anh chửi nặng nhẹ nên bên vợ qua bắt chị N về và vợ chồng sống ly thân từ ngày 20/3/2020 đến nay, hiện nay chị N không có về bên gia đình vợ sống, anh có qua tìm nhưng không gặp, chị N đã đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh. Nay anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Cát T, sinh ngày 05/7/2007 và Nguyễn Hoàng Đ1, sinh ngày 26/5/2015 không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị N cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 chứng minh nhân dân tên Võ Thị N (photo), 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo); 02 giấy khai sinh con; Bị đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Hoàng Đ (photo).

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hoàng Đ thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Võ Thị N đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Cát T, sinh ngày 05/7/2007 cho anh Nguyễn Hoàng Đ nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung; Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hoàng Đ thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hoàng Đ thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Về con chung: Chị Võ Thị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Đ1, sinh ngày 26/5/2015, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hoàng Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Đ1, sinh ngày 26/5/2015, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Hoàng Đ có hộ khẩu thường trú tại huyện T, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hoàng Đ kết hôn vào ngày 22/3/2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ ngày 20/3/2020 đến nay. Trong thời gian ly thân anh, chị không hàn gắn đoàn tụ được, nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ; Bị đơn anh Đ đồng ý ly hôn với chị N. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị N và anh Đ.

[3] *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cát T, sinh ngày 05/7/2007 và Nguyễn Hoàng Đ1, sinh ngày 26/5/2015 đang sống chung với anh Đ, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Cháu Cát Tuyền có nguyện vọng được sống chung với anh Đ, chị N thống nhất giao con chung tên Nguyễn Thị Cát T, sinh ngày 05/7/2007 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung. Sự thỏa thuận này của chị N và anh Đ

là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Đ không có yêu cầu.

Đối với con chung tên Nguyễn Hoàng Đ1, sinh ngày 26/5/2015. Chị N và anh Đ đều có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, trong thời gian anh, chị sống ly thân và khi cháu Đ1, cháu T được sinh ra cho đến nay vẫn sống chung nhà với anh Đ và anh Đ đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ vẫn đảm bảo nuôi dưỡng 02 con tốt, chị N hiện nay đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh không có nơi ở ổn định. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để tránh gây xáo trộn sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của cháu Nguyễn Hoàng Đ1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án không chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N; Anh Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Đ1. Do anh Đ không có yêu cầu chị N cấp dưỡng nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hoàng Đ thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hoàng Đ.

2. Về con chung: Chị Võ Thị N đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Cát T, sinh ngày 05/7/2007 cho anh Nguyễn Hoàng Đ nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung; Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Đ không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Hoàng Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Đ1, sinh ngày 26/5/2015; Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hoàng Đ thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Hoàng Đ thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007723, ngày 15-5-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Võ Thị N đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Hoàng Đ không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Chấm